

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5 – 6</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>7 – 57</b>
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2020</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020</i>	<i>14 – 54</i>
<b>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>55-57</b>

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 17 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 số 2500217389 được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 29 tháng 07 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện pháp luật.

### TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại : 0211 873 568  
Fax : 0211 873 569  
E-mail : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

### CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 57).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị số 1710/QĐHDQT/NAG-20 ngày 17/10/2020 về việc mua cổ phần tại Công ty CP Việt Phúc Hưng Yên, đến ngày 08/02/2021, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý chuyển quyền sở hữu 96.923% vốn điều lệ tại Công ty CP Việt phúc Hưng Yên. Theo đó, Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên trở thành Công ty con từ ngày 08/02/2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 07 năm 2020
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021
Bà Huy Thị Dung	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Truyền	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2021

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ - CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 và Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

Số : 2506.01.06/2020/BCTC-NVT2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 từ trang 07 đến trang 57, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Trụ Sở Chính:**Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

**Kiểm toán viên**

**Phạm Văn Tuấn**

GCNĐKHNKT số: 4497-2018-124-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>706.923.329.362</b>	<b>583.479.470.624</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.914.235.456</b>	<b>11.640.206.650</b>
1. Tiền	111		4.914.235.456	11.640.206.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>34.500.000.000</b>	<b>38.384.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	34.500.000.000	38.384.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>254.592.158.679</b>	<b>222.274.388.930</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	184.396.960.478	168.359.181.643
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	63.907.366.922	43.566.308.955
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	12.000.000.000	12.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	2.204.218.728	1.440.806.699
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.916.387.449)	(3.091.908.367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>404.715.939.357</b>	<b>304.133.811.423</b>
1. Hàng tồn kho	141		412.638.736.880	308.929.354.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.922.797.523)	(4.795.543.516)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.200.995.870</b>	<b>7.047.063.621</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.541.486.459	2.508.812.586
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.577.263.289	4.425.614.402
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	82.246.122	112.636.633
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>66.655.471.375</b>	<b>55.833.000.810</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>848.672.499</b>	<b>1.013.847.599</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	848.672.499	1.013.847.599
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.357.611.699</b>	<b>28.462.016.925</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.966.192.754	23.232.669.125
<i>Nguyên giá</i>	222		113.709.243.219	109.190.876.488
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(89.743.050.465)	(85.958.207.363)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.391.418.945	5.229.347.800
<i>Nguyên giá</i>	228		5.941.358.519	5.564.508.519
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(549.939.574)	(335.160.719)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>18.544.965.000</b>	<b>70.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	18.544.965.000	70.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>14.142.534.860</b>	<b>22.525.491.607</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		9.142.534.860	17.525.491.607
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.761.687.317</b>	<b>3.761.644.679</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	2.418.265.379	2.195.717.537
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	1.343.421.938	1.565.927.142
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>773.578.800.737</b>	<b>639.312.471.434</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>560.702.255.971</b>	<b>426.519.813.155</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>559.138.334.653</b>	<b>426.066.213.155</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	126.632.923.716	58.297.010.376
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	8.840.718.233	8.391.488.141
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	8.715.675.548	13.352.051.624
4. Phải trả người lao động	314		6.519.160.156	3.225.080.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	20.544.431.870	9.588.627.241
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	696.617.531	534.134.476
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	381.060.621.587	327.123.025.437
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	5.738.376.463	5.405.816.086
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	389.809.549	148.979.031
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.563.921.318</b>	<b>453.600.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	-	453.600.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.563.921.318	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>212.876.544.766</b>	<b>212.792.658.279</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>212.876.544.766</b>	<b>212.792.658.279</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.886.360.000	158.886.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.915.984.116	5.313.907.820
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.171.683.805	25.449.629.716
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.662.405.902	11.008.288.482
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.509.277.903	14.441.341.234
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.230.426.845	17.470.670.743
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>773.578.800.737</b>	<b>639.312.471.434</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung



Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.087.727.555.048	1.041.209.555.889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	11.871.421.451	20.162.609.018
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.075.856.133.597	1.021.046.946.871
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	929.498.541.067	884.165.331.736
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.357.592.530	136.881.615.135
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.301.892.393	5.684.990.694
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.161.639.116	26.793.639.754
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.309.270.556	26.145.971.249
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(8.382.956.747)	1.153.638.941
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	77.446.254.238	80.908.160.646
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	27.539.167.112	21.535.121.202
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.129.467.710	14.483.323.168
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.758.339.617	4.314.849.832
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.282.808.983	2.935.802.760
14. Lợi nhuận khác	40		1.475.530.634	1.379.047.072
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.604.998.344	15.862.370.240
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.549.537.817	3.910.396.081
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	1.786.426.522	(89.551.760)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.269.034.005	12.041.525.919
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		8.509.277.903	14.441.341.234
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(240.243.898)	(2.399.815.315)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	525	894

Người lập biểu



Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Thị Huyền Thương



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.604.998.344	15.862.370.240
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.717.248.862	5.358.760.556
- Các khoản dự phòng	03	8.284.293.466	5.363.176.498
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	32.058.354	18.164.223
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.575.500.583)	(5.158.841.666)
- Chi phí lãi vay	06	23.309.270.556	26.145.971.249
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47.372.368.999	47.589.601.100
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.095.015.167)	(7.873.152.345)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(103.709.381.941)	(21.787.356.974)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	79.673.527.565	13.760.219.203
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.255.221.715)	532.626.884
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(22.970.645.436)	(26.689.867.969)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.531.396.416)	(3.096.799.440)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(59.635.968)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(14.515.764.111)</b>	<b>2.375.634.491</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.380.979.091)	(21.747.817.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	20.000.000	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.280.000.000)	(81.317.535.535)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.164.000.000	87.516.132.832
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(37.830.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.103.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.453.052.027	5.093.128.980
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(37.853.927.064)</b>	<b>(6.342.491.223)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		961.481.819.942		820.150.573.123
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(907.999.172.515)		(823.355.113.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.838.782.925)		(7.471.750)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>45.643.864.502</i>		<i>(3.212.012.402)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6.725.826.673)</b>		<b>(7.178.869.134)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>11.640.206.650</b>		<b>18.783.920.699</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(144.521)		35.155.085
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.914.235.456</b>		<b>11.640.206.650</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Bích Loan

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung



Lập, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huyền Thương

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
NĂM 2020****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.**2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện./.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 207 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 168 nhân viên).

**6. Cấu trúc doanh nghiệp:***Các Công ty con được hợp nhất:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, lắp đặt hệ thống điều hòa cho các công trình	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	94 Nam Trân, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	25 Đoàn Thị Điểm, Phường 01, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%
Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng	51%	51%

*Các Công ty liên doanh liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ:*

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Gia công may mặc	48%	48%



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### *Các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội	Tầng 2, Số 96A Định Công, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.	Bán lẻ, bán buôn thiết bị, linh kiện điện tử, đồ da dụng

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:** Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

## II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Nagakawa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### 2. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.010 VND/USD.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.190 VND/USD.

#### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty con*

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó.

###### *Công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là công ty được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	05

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### **Chi phí trả trước khác**

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

##### *Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa*

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa từ 0.5% - 1% trên bảng trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### ***Dự phòng bảo hành công trình xây dựng***

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên bằng trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Trong năm, Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15 tháng 6 năm 2020. Theo đó, Cổ tức lợi nhuận trả cho Cổ đông là 7.944.318.600 VND bằng tiền.

#### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

#### 21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 23. Công cụ tài chính

### a) Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

##### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

##### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

##### **c) Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.194.401.989	4.670.540.284
Tiền gửi ngân hàng	2.719.833.467	6.969.666.366
<b>Cộng</b>	<b><u>4.914.235.456</u></b>	<b><u>11.640.206.650</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	34.500.000.000	34.500.000.000	38.384.000.000	38.384.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>34.500.000.000</u></b>	<b><u>34.500.000.000</u></b>	<b><u>38.384.000.000</u></b>	<b><u>38.384.000.000</u></b>

(\*) Là các số tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An với số tiền 6.500.000.000 VND, số tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng với số tiền 8.000.000.000 VND và các số tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng với số tiền 20.000.000.000 VND. Các khoản tiền gửi này đang được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An. (Xem thuyết minh V.19a)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>9.142.534.860</b>		<b>17.525.491.607</b>
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (*)	48 %	9.142.534.860	48 %	17.525.491.607
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>		<b>5.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (**)		5.000.000.000		5.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>14.142.534.860</b>		<b>22.525.491.607</b>

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.000.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	48%
Tăng/giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(2.857.465.140)
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	<b>9.142.534.860</b>

(\*\*) Là khoản mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu số 1269, ngày phát hành là 29/6/2018 đến ngày 29/06/2028. Số lượng trái phiếu là 500 với giá trị là 5.000.000.000 VND. Số trái phiếu này đang được cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Thành An.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>52.714.217.611</b>	<b>44.952.642.079</b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	52.714.217.611	44.952.642.079
<b>Phải thu các khách hàng khác (*)</b>	<b>131.682.742.867</b>	<b>123.406.539.564</b>
Ban QLDA đầu tư xây dựng quận Đống Đa	1.050.788.000	-
Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ M2K Việt Nam	3.263.801.781	5.410.548.781
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	3.776.757.455	7.475.319.859
Công ty Cổ phần đầu tư MK Việt Nam	22.336.089.738	4.644.263.475
Công ty TNHH Thương Mại Huy Hùng	6.693.065.831	4.233.340.697
Các khách hàng khác	94.562.240.062	101.643.066.752
<b>Cộng</b>	<b>184.396.960.478</b>	<b>168.359.181.643</b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	25.559.399.742
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	8.079.399.742
Bà Đào Thị Soi	-	17.480.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác(*)</i>	<b>63.907.366.922</b>	<b>18.006.909.213</b>
Công ty cổ phần Sản xuất và XNK Việt Phúc (1)	10.000.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng cơ điện lạnh Việt Nam	3.376.813.003	5.055.185.818
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (2)	27.830.000.000	-
HIGH ACE INDUSTRIES SDN.BHD	9.652.298.007	-
PENSEUR INDUSTRIES SDN BHD	5.612.224.035	-
Các nhà cung cấp khác	7.436.031.877	12.951.723.395
<b>Cộng</b>	<b>63.907.366.922</b>	<b>43.566.308.955</b>

(1) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Việt Phúc về việc chuyển nhượng 60.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 23,077% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 13.500.045.000 VND. Đến 31/12/2020 công ty đã ứng trước cho Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Việt Phúc số tiền 10.000.000.000 VND.

(2) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 10/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa và Bà Nguyễn Thị Lan Hương về việc chuyển nhượng 192.000 cổ phần mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu tương ứng 73,846% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên với giá chuyển nhượng là 43.199.910.000 VND. Đến 31/12/2020 công ty đã ứng trước cho Bà Nguyễn Thị Lan Hương số tiền 27.830.000.000 VND.

(\*) Trong đó các khoản trả trước được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Ông Tô Văn Giang vay với lãi suất 4,8%/năm	1.900.000.000	3.200.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay với lãi suất 4,8%/năm	3.500.000.000	3.500.000.000
Ông Huỳnh Hữu Tính vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Bùi Thị Thu Nga vay với lãi suất 10%/năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Mại Quỳnh vay với lãi suất 4,8%/ năm	3.300.000.000	2.500.000.000
Bà Ngô Thị Mỹ Nhật vay với lãi suất 10%/năm	1.300.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Các khoản phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	122.005.130	-	591.601.568	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	1.300	-
Ký cược, ký quỹ	424.397.216	-	304.180.707	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.648.626.862	-	544.360.124	-
<i>Phải thu lãi tiền gửi tiết kiệm ngân hàng</i>	<i>1.543.369.862</i>	-	<i>405.127.124</i>	-
<i>Phải thu lãi cho vay cá nhân</i>	<i>105.257.000</i>	-	<i>139.233.000</i>	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.189.520	-	663.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.204.218.728</b>	<b>-</b>	<b>1.440.806.699</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	848.672.499	-	1.013.847.599	-
<b>Cộng</b>	<b>848.672.499</b>	<b>-</b>	<b>1.013.847.599</b>	<b>-</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(3.091.908.367)	-	(3.091.908.367)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.184.768.843)	-	(5.184.768.843)
Hoàn nhập dự phòng	360.289.761	-	360.289.761
<b>Số cuối năm</b>	<b>(7.916.387.449)</b>	<b>-</b>	<b>(7.916.387.449)</b>

*Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01.***8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	44.014.226.000	-	8.990.061.449	-
Nguyên liệu, vật liệu	56.132.221.308	(12.588.287)	45.222.785.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	240.103.947	-	1.555.327.633	-
Thành phẩm	10.156.577.100	-	20.491.520.868	-
Hàng hóa	302.095.608.525	(7.910.209.236)	232.669.659.125	(4.795.543.516)
<b>Cộng</b>	<b>412.638.736.880</b>	<b>(7.922.797.523)</b>	<b>308.929.354.939</b>	<b>(4.795.543.516)</b>

(\*) Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý, chia tách các bộ phận còn có thể sử dụng của những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(4.795.543.516)	(1.292.360.616)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.917.511.037)	(3.625.160.528)
Hoàn nhập dự phòng	2.790.257.030	121.977.628
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(7.922.797.523)</u></b>	<b><u>(4.795.543.516)</u></b>

**9. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	60.000.000	380.490.323
Chi phí CCDC xuất dùng	240.058.732	224.534.200
Chứng nhận sản phẩm hợp quy	100.805.941	234.155.062
Chi phí bảo hiểm tài sản	174.113.961	181.507.252
Kệ trưng bày sản phẩm	857.313.705	-
Chi phí làm kệ trưng bày hội nghị	1.040.722.059	1.164.757.378
Chi phí bảo trì phần mềm	49.947.088	53.079.389
Chi phí thử nghiệm EMC và hiệu suất năng lượng ĐHKK	480.557.687	238.587.781
Chi phí thử nghiệm điện - điện tử	72.096.235	-
Chi phí trả trước khác	465.871.051	31.701.201
<b>Cộng</b>	<b><u>3.541.486.459</u></b>	<b><u>2.508.812.586</u></b>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	440.398.136	598.650.824
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	231.154.048	359.496.292
Hệ thống làm mát nhà xưởng	255.307.794	421.347.126
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	231.389.045	113.105.590
Chi phí làm biển quảng cáo	1.144.384.402	57.624.398
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	56.207.400	480.232.864
Chi phí bảo hiểm tài sản	24.027.105	-
Chi phí mua phần mềm Win bản quyền, phần mềm khai báo hải quan	25.797.448	44.476.065
Chi phí trả trước khác	9.600.001	120.784.378
<b>Cộng</b>	<b><u>2.418.265.379</u></b>	<b><u>2.195.717.537</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	31.605.129.368	60.333.262.562	16.015.828.815	456.123.780	780.531.963	109.190.876.488
Tăng do mua sắm	-	-	5.235.993.636	-	-	5.235.993.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(717.626.905)	-	-	(717.626.905)
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.605.129.368</b>	<b>60.333.262.562</b>	<b>20.534.195.546</b>	<b>456.123.780</b>	<b>780.531.963</b>	<b>113.709.243.219</b>
<i>Trong đó</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	6.402.739.882	59.406.904.562	1.431.214.243	156.607.280	43.578.637	67.441.044.604
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	18.069.858.990	59.924.727.170	7.380.122.500	274.181.960	309.316.743	85.958.207.363
Tăng do trích khấu hao	1.422.466.617	244.065.757	2.628.643.658	59.903.304	147.390.671	4.502.470.007
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(717.626.905)	-	-	(717.626.905)
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.492.325.607</b>	<b>60.168.792.927</b>	<b>9.291.139.253</b>	<b>334.085.264</b>	<b>456.707.414</b>	<b>89.743.050.465</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	13.535.270.378	408.535.392	8.635.706.315	181.941.820	471.215.220	23.232.669.125
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.112.803.761</b>	<b>164.469.635</b>	<b>11.243.056.293</b>	<b>122.038.516</b>	<b>323.824.549</b>	<b>23.966.192.754</b>

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 25.227.772.202 VND và 7.610.753.186 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội bao gồm toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất điều hòa.

+ Tài sản cố định là xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.305.978.182 VND và 2.476.422.540 VND và Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66 có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 3.799.952.727 VND và 3.484.992.489 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An để đảm bảo cho khoản vay hạn mức của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa.

+ Tài sản xe Chevrolet BKS.43A-342.74 và tòa nhà văn phòng làm việc có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.273.915.221 VND và 3.528.542.167 VND đang được thế chấp tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	949.712.600	5.564.508.519
Tăng do mua sắm	-	376.850.000	376.850.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>1.326.562.600</b>	<b>5.941.358.519</b>
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.962.600	133.962.600
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	335.160.719	335.160.719
Khấu hao trong năm	-	214.778.855	214.778.855
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>549.939.574</b>	<b>549.939.574</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.614.795.919	614.551.881	5.229.347.800
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.614.795.919</b>	<b>776.623.026</b>	<b>5.391.418.945</b>

Tài sản là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 4.614.795.919 VND và 4.614.795.919 VND đang được thế chấp tại ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	70.000.000	18.544.965.000	(70.000.000)	18.544.965.000
<i>Phần mềm Baravo</i>	70.000.000	-	(70.000.000)	-
<i>Chi phí làm phim quảng cáo, nhận diện thương hiệu</i>	-	1.064.965.000	-	1.064.965.000
<i>Mua quyền sử dụng đất và tài sản trên đất</i>	-	17.480.000.000	-	17.480.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000</b>	<b>18.544.965.000</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>18.544.965.000</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.565.927.142	1.476.375.381
Phát sinh trong năm	1.328.235.582	1.565.927.142
Hoàn nhập trong năm	(1.550.740.786)	(1.476.375.381)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.343.421.938</b>	<b>1.565.927.142</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.482.904.928</i>	-
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	10.482.904.928	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>116.150.018.788</i>	<i>58.297.010.376</i>
Công ty Cổ phần Thép 134 Hà Nội	3.549.355.695	2.083.981.940
Công ty Cổ phần DTL Thăng Long	3.007.577.053	1.897.433.482
PT ARISAMANDIRI PRATAMA	32.700.724.337	17.045.298.629
Công ty TNHH thương mại và tư vấn kỹ thuật - Cao	11.999.319.953	3.848.721.394
Công ty TNHH Thương mại và XNK An Thịnh Phát	17.265.921.882	-
CJ Century Technology SDN.BHD	15.499.163.813	-
Các nhà cung cấp khác	32.127.956.055	33.421.574.931
<b>Cộng</b>	<b><u>126.632.923.716</u></b>	<b><u>58.297.010.376</u></b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>1.264.834.251</i>	<i>207.590.440</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.264.834.251	207.590.440
<i>Trả trước của các khách hàng</i>	<i>7.575.883.982</i>	<i>8.183.897.701</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Gia Cao Bằng	1.149.138.090	2.896.356.739
Trường tiểu học Tốt Động	726.772.000	-
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hai Bà Trưng	280.561.840	472.475.000
Các khách hàng khác	5.419.412.052	4.815.065.962
<b>Cộng</b>	<b><u>8.840.718.233</u></b>	<b><u>8.391.488.141</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Điều chỉnh		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	giảm	Phải nộp	Phải thu	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.375.996.990	-	5.477.319.656	(7.205.914.446)	-	1.647.402.200	-	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	48.515.804.175	(48.515.804.175)	-	-	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.200.308.411	-	41.094.537.730	(43.010.159.310)	-	2.284.686.831	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	3.727.052.832	(3.727.052.832)	-	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.180.123.176	112.409.633	4.549.537.817	(5.531.396.416)	(15.102.377)	4.152.998.689	82.246.122	
Thuế thu nhập cá nhân	126.851.137	227.000	801.759.684	(435.841.545)	-	492.542.276	-	
Tiền thuế đất	-	-	554.100.380	(554.100.380)	-	-	-	
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	37.281.180	(37.281.180)	-	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	468.771.910	-	290.458.528	(621.184.886)	-	138.045.552	-	
Các loại thuế khác	-	-	4.455.072	(4.455.072)	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>13.352.051.624</b>	<b>112.636.633</b>	<b>105.052.307.054</b>	<b>(109.643.190.242)</b>	<b>(15.102.377)</b>	<b>8.715.675.548</b>	<b>82.246.122</b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	1.166.951.527	836.258.692
Chi phí thuê kho phải trả	-	70.000.000
Chi phí chiết khấu của đại lý đạt đủ doanh số	17.720.000	164.992.727
Trích trước chi phí chiết khấu hàng bán chương trình khuyến mãi	18.618.760.343	8.177.691.186
Chi phí khác	741.000.000	339.684.636
<b>Cộng</b>	<b><u>20.544.431.870</u></b>	<b><u>9.588.627.241</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51.912.603</i>	<i>45.329.041</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam – lãi vay	51.912.603	45.329.041
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>644.704.928</i>	<i>488.805.435</i>
Kinh phí công đoàn	284.671.795	198.479.695
Bảo hiểm xã hội	-	915.595
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	355.090.540	249.556.465
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.942.593	39.853.680
<b>Cộng</b>	<b><u>696.617.531</u></b>	<b><u>534.134.476</u></b>

**19. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.721.000.000</i>	<i>2.721.000.000</i>	<i>5.221.000.000</i>	<i>5.221.000.000</i>
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam (d)	2.721.000.000	2.721.000.000	5.221.000.000	5.221.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>378.339.621.587</i>	<i>378.339.621.587</i>	<i>321.902.025.437</i>	<i>321.902.025.437</i>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>378.339.621.587</b>	<b>378.339.621.587</b>	<b>321.358.158.761</b>	<b>321.358.158.761</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (a)	175.453.701.228	175.453.701.228	101.584.203.685	101.584.203.685
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long - PGD Lê Trọng Tấn	-	-	32.680.898.676	32.680.898.676
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (b)	197.885.920.359	197.885.920.359	182.093.056.400	182.093.056.400
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng (c)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>543.866.676</b>	<b>543.866.676</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	-	217.200.000	217.200.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	326.666.676	326.666.676
<b>Cộng</b>	<b><u>381.060.621.587</u></b>	<b><u>381.060.621.587</u></b>	<b><u>327.123.025.437</u></b>	<b><u>327.123.025.437</u></b>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021/-HĐCVHM/NHCT320-NAG ngày 21 tháng 01 năm 2021 với

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

tổng mức cấp dư nợ vay và số dư bảo lãnh, L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 230.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tới ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thời hạn vay của từng khoản nợ không quá 07 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Quyền sử dụng đất tại số thửa 46, tờ bản đồ 20 tại Xã Liên Phương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V930401 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 50/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HungYen ký ngày 18 tháng 06 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 666206, số vào sổ cấp GCN: CS29262 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/06/2018 cho ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo HĐCC số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG-ROYAL ngày 15/11/2019

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 10111071095, Hồ sơ gốc số 6586 2003 2640. 203. QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 14/05/2002 cho bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo HĐCC số 02/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 03/12/2019.

+ Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 750752, số vào sổ cấp GCN: CHO1494.HDD/1461 do Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội cấp ngày 29/08/2012 cho Ông Nguyễn Đình Tấn và Bà Đào Thị Hoa theo HĐCC số 03/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 11/12/2019.

+ Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt Quận Thanh Xuân, Hà Nội ( nay là số 86 ngõ 274 phố Nguyễn Lân, phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019, Hồ sơ gốc số 3015-2003-QĐUB/8623.2003 do Ủy ban thành phố Hà Nội cấp ngày 2/6/2003 cho ông Lưu Văn Thất và Bà La Thị Nga. Ngày 21/11/2012, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xác nhận chuyển nhượng cho bà Đào Thị Soi theo hợp đồng chuyển nhượng số 10121293/ HHĐCN ngày 29/10/2012 tại Phòng công chứng Mĩ Đình, TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 16 tại địa chỉ Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD537451 số GCN: 01674-2144 QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 21/12/2005 cho ông Đỗ Quách Cương. Ngày 17/4/2015 văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hoàng Mai xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức Khả và bà Đào Thị Soi theo hồ sơ số 1181 ngày 14/4/2015 theo hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ngày 2/11/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2018/03/005/HĐTG ngày 16/03/2018, số tiền gửi: 8.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2018/HĐCC/NHCT320-NAG ký ngày 16/03/2018.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36924/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi: 9.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36925/HĐTG ngày 21/02/2020, số tiền gửi 5.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương phát hành số 320/2020/36915/HĐTĐ ngày 21/02/2020, số tiền gửi 6.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 21/02/2020.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2018/07/001/HĐTĐ ngày 03/07/2018, số tiền gửi 1.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 04/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG ký ngày 10/07/2018.

+ Trái phiếu ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành, mã trái phiếu: CTG1828T2/01 với tổng giá trị Trái phiếu 5.000.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố trái phiếu số: 1007/2018/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 10 tháng 07 năm 2018.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An phát hành số 320/2019/21021 ngày 16/10/2019, số tiền 2.000.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 1610.2/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 17 tháng 10 năm 2019.

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thành an phát hành số 320/2019/22028 ngày 24/10/2019, số tiền 3.500.000.000 VND theo hợp đồng cầm cố số 2410/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAG lập ngày 24 tháng 10 năm 2019.

+ Xe Mercedes, BKS 30F-840.98 và xe ô tô Mercedes- Benz BKS 30F-798.91 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/HĐBĐ/NHCT320-NAGHN ký ngày 14 tháng 08 năm 2019.

+ Xe ô tô Mercedes, BKS 30G-381.66, thuộc chủ sở hữu Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0309/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAGAKAWA ký ngày 19 tháng 10 năm 2020.

+ Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa có giá trị 60.000.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 30/01/2018 và hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2018/HĐTĐ/NHCT320-NAG-HTK ký ngày 06/02/2018. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2020/HĐBĐ/NHCT320-NAG-HTK ngày 21/01/2020, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 101.508.541.889 VND.

(b) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/367653/HMTĐ ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 250 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 05 năm 2021, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi kế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản số HD03-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT274326, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00886 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 30/08/2019, thuộc sở của Công ty TNHH Phát triển Kinh tế quốc tế Anh Vũ là Cổ đông góp vốn.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 5, ngách 105 ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Hà Nội theo giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 3835/2009/QĐ-08 do UBND quận Đống Đa cấp ngày 10/11/2009; chủ sở hữu: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương.

+ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả.

+ Thẻ chấp Hàng hóa luân chuyển của công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa theo hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo bổ sung số 04/2019/367653/HĐBĐ ngày 01/10/2019.

(c) Là khoản vay ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng cấp tín dụng số 6400.20.308.3789979.TD ngày 16 tháng 03 năm 2020. Hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng văn bản nhận nợ, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bởi:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất khu đất công trình công cộng thuộc Khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng theo thửa đất số 125, tờ bản đồ số 101 theo Sổ phát hành BG 952425; Sổ vào sổ cấp GCN: CT09311 do UBND Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/11/2011. Giá trị tài sản đảm bảo là 3.400.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4749.18.308.3789979.BĐ ngày 07 tháng 02 năm 2018.

+ Ô tô con Chevrolet BKS.43A-342.74 theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông Số: 12535.18.308.3789979.BĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018.

(d) Là khoản vay Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay tiền ký ngày 11 tháng 09 năm 2019. Số tiền cho vay là 8.000.000.000 VND. Lãi suất vay 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền. Phụ lục 01 ngày 14 tháng 11 năm 2020 điều chỉnh thời hạn vay là 24 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Lãi vay nhập gốc</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	321.358.158.761	961.481.819.942	1.348.723	(904.501.705.839)	378.339.621.587
Vay ngắn hạn bên liên quan	5.221.000.000	-	-	(2.500.000.000)	2.721.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	543.866.676	-	-	(543.866.676)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>327.123.025.437</u></b>	<b><u>961.481.819.942</u></b>	<b><u>1.348.723</u></b>	<b><u>(907.545.572.515)</u></b>	<b><u>381.060.621.587</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	453.600.000	453.600.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	-	-	453.600.000	453.600.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>453.600.000</b>	<b>453.600.000</b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	543.866.676
Trên 1 năm đến 5 năm	-	453.600.000
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>997.466.676</b>

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	453.600.000	955.688.886
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	-
Số tiền vay đã trả	(453.600.000)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(502.088.886)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>453.600.000</b>

**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	5.142.279.177	5.809.902.788	(3.872.081.096)	(1.605.261.315)	5.474.839.554
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	263.536.909	-	-	-	263.536.909
<b>Cộng</b>	<b>5.405.816.086</b>	<b>5.809.902.788</b>	<b>(3.872.081.096)</b>	<b>(1.605.261.315)</b>	<b>5.738.376.463</b>

Số hoàn nhập trong năm là số dự phòng bảo hành công trình đã hết thời hạn bảo hành được trình bày ở chỉ tiêu chi phí bán hàng và giá vốn hàng bán (xem thuyết minh VI.5 và VI.2).

**21. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	106.285.459	120.415.259	-	226.700.718
Quỹ phúc lợi	42.693.572	120.415.259	-	163.108.831
<b>Cộng</b>	<b>148.979.031</b>	<b>240.830.518</b>	<b>-</b>	<b>389.809.549</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**22. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	21.398.868.482	19.870.486.058	200.751.132.360
Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm	10.390.580.000	-	-	-	(10.390.580.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.441.341.234	(2.399.815.315)	12.041.525.919
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>158.886.360.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>5.313.907.820</b>	<b>25.449.629.716</b>	<b>17.470.670.743</b>	<b>212.792.658.279</b>
Số dư đầu năm nay	158.886.360.000	5.672.110.000	(20.000)	5.313.907.820	25.449.629.716	17.470.670.743	212.792.658.279
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.509.277.903	(240.243.898)	8.269.034.005
Trích lập các quỹ	-	-	-	602.076.296	(842.906.814)	-	(240.830.518)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(7.944.317.000)	-	(7.944.317.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>158.886.360.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>5.915.984.116</b>	<b>25.171.683.805</b>	<b>17.230.426.845</b>	<b>212.876.544.766</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****b) Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ-NAG ngày 15 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức 5% vốn điều lệ	: 7.944.317.000
• Quỹ đầu tư phát triển 5% LNST	: 602.076.296
• Quỹ khen thưởng phúc lợi 2% LNST	: 240.830.518

**c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	158.886.360.000	158.886.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>164.558.450.000</u></b>	<b><u>164.558.450.000</u></b>

**d) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.888.636	15.888.636
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.636	15.888.636
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.888.634	15.888.634
- Cổ phiếu phổ thông	15.888.634	15.888.634

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	985,59	649,3

**b, Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Đối tượng</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Trảng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	<b><u>1.116.279.409</u></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.087.727.555.048	1.041.209.555.889
<i>Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.072.743.908.102</i>	<i>993.539.571.211</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>6.307.925.998</i>	<i>6.488.727.268</i>
<i>Doanh thu hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>8.675.720.948</i>	<i>41.181.257.410</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(11.871.421.451)	(20.162.609.018)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(5.392.498.373)</i>	<i>(6.473.498.590)</i>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(6.469.173.043)</i>	<i>(13.434.533.492)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(9.750.035)</i>	<i>(254.576.936)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.075.856.133.597</u></b>	<b><u>1.021.046.946.871</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm</i>	<i>1.060.872.486.651</i>	<i>973.376.962.193</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>6.307.925.998</i>	<i>6.488.727.268</i>
<i>Doanh thu thuần hợp đồng lắp đặt điều hòa</i>	<i>8.675.720.948</i>	<i>41.181.257.410</i>

**b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	391.809.614.120	372.149.803.938
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	6.737.638.534	6.737.744.543
<b>Cộng</b>	<b><u>398.547.252.654</u></b>	<b><u>378.887.548.481</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	902.735.998.721	842.907.579.769
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.908.856.757	1.866.071.386
Trích trước chi phí khuyến mãi bằng hàng	12.831.123.736	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.127.254.007	3.503.182.900
Dự phòng bảo hành công trình	-	263.536.909
Giá vốn của hợp đồng lắp đặt điều hòa	8.895.307.846	35.624.960.772
<b>Cộng</b>	<b><u>929.498.541.067</u></b>	<b><u>884.165.331.736</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn	2.632.085.558	1.692.269.207
Lãi tiền cho vay	925.233.207	3.501.308.751
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	744.573.628	491.412.736
<b>Cộng</b>	<b><u>4.301.892.393</u></b>	<b><u>5.684.990.694</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.309.270.556	26.145.971.249
Chiết khấu thanh toán cho người mua	282.022.135	468.442.326
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	538.288.071	116.325.664
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	32.058.354	44.736.292
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	18.164.223
<b>Cộng</b>	<b><u>24.161.639.116</u></b>	<b><u>26.793.639.754</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.337.450.613	18.088.285.748
Chi phí vật liệu, bao bì	59.287.547	29.366.104
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	532.804.242	944.934.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.024.598.548	1.186.783.374
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	3.123.671.818	2.624.079.081
Chi phí quảng cáo, hội nghị khách hàng	7.029.318.076	8.981.223.884
Trích lập dự phòng bảo hành	5.809.902.788	5.238.009.169
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(2.110.777.059)	(1.042.943.336)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.475.286.474	31.830.575.035
Các chi phí khác	6.164.711.191	13.027.846.931
<b>Cộng</b>	<b><u>77.446.254.238</u></b>	<b><u>80.908.160.646</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.535.671.437	12.284.524.788
Chi phí vật liệu quản lý	283.501.571	324.230.861
Chi phí đồ dùng văn phòng	800.968.429	823.557.364
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.194.109.360	1.145.228.619
Thuế, phí và lệ phí	15.260.000	78.485.664
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	4.824.479.082	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.548.932.997	3.042.453.589
Các chi phí khác	4.336.233.236	3.836.640.317
<b>Cộng</b>	<b><u>27.539.156.112</u></b>	<b><u>21.535.121.202</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	18.181.818	9.090.909
Linh kiện bảo hành được miễn phí	85.903.957	53.309.036
Nhà cung cấp hỗ trợ phát triển thị trường	2.511.189.782	4.224.047.273
Thu nhập khác	143.064.060	28.402.614
<b>Cộng</b>	<b><u>2.758.339.617</u></b>	<b><u>4.314.849.832</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp BHXH	1.216.557	-
Tiền phạt, truy thu thuế theo biên bản, thông báo của thuế	302.425.791	1.440.288.471
Chi phí công trình Phú Yên	-	1.799.184.788
Điều chỉnh giảm do kê sai thuế vãng lai	-	(385.253.000)
Chi phí không có đủ chứng từ	-	60.000.000
Các khoản phạt truy thu thuế khác	872.900.318	20.840.591
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	101.426.364	-
Chi ủng hộ	-	500.000
Chi phí khác	4.839.953	241.910
<b>Cộng</b>	<b><u>1.282.808.983</u></b>	<b><u>2.935.802.760</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.604.998.344	15.862.370.240
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.611.631.872	2.521.405.620
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.611.631.872	8.458.997.722
Tiền phạt truy thu thuế	1.178.998.313	1.456.379.155
Các khoản phạt, truy thu khác	1.216.557	4.749.907
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không điều hành	-	118.192.254
Chi phí bị loại trừ khác	231.372.228	60.500.000
Xe ô tô nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	200.006.781	8.929.643
Chi phí công trình Tuyên Quang	-	1.799.184.788
Lỗi tại Công ty con quyết toán riêng	2.711.763.730	5.011.061.975
Lỗi phát sinh trong quá trình hợp nhất	4.288.274.263	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.937.592.102)
Giảm do điều chỉnh hạch toán sai chi phí năm trước	-	(385.253.000)
Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	-	(5.552.339.102)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b><u>23.216.630.216</u></b>	<b><u>18.383.775.860</u></b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>4.643.326.043</u></b>	<b><u>3.676.755.171</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(222.105.676)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	128.317.449	233.640.910
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>4.549.537.817</u></b>	<b><u>3.910.396.081</u></b>

(\*) Theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 Trong năm 2020, Các công ty con được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.328.812.450)	(1.565.927.142)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.115.238.972	1.476.375.382
<b>Cộng</b>	<b>1.786.426.522</b>	<b>(89.551.760)</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.509.277.903</b>	<b>14.441.341.234</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(170.185.558)	(240.830.518)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.339.092.345	14.200.510.716
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.888.634	15.888.634
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>525</b>	<b>894</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này được ước tính theo 2% lợi nhuận sau thuế.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.888.634	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	1.039.058
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>15.888.634</b>	<b>15.888.634</b>

**12. Chi phí theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	4.901.670.809	35.573.230.572
Chi phí nhân công	37.985.029.713	30.905.936.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.717.248.862	5.358.760.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.580.086.877	47.130.564.065
Chi phí trạm bảo hành	6.822.797.547	6.397.933.782
Chi phí dự phòng	4.824.479.082	-
Chi phí bằng tiền khác	10.631.782.001	23.035.692.450
<b>Cộng</b>	<b>117.463.094.891</b>	<b>148.402.117.879</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay nhập gốc	1.348.723	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	10.390.580.000
Chênh lệch tỷ giá đánh giá gốc tiền vay	104.306.518	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i></b>		
Thu tiền tạm ứng	105.944.100	594.281.000
Chi tiền tạm ứng	105.944.100	594.281.000
Bà Đào Thị Soi - Trả trước tiền mua đất	-	17.480.000.000
Bà Đào Thị Soi - Bàn giao đất	17.480.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan không còn số dư.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	1.583.940.000	1.203.359.145
Nhận cổ tức bằng tiền	2.888.088.500	-
Cộng	<u>4.472.028.500</u>	<u>1.203.359.145</u>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần may KLW	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Đức Anh Vũ	Con Ông Nguyễn Đức Khả



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng	430.990.575.532	409.364.784.332
+ Giá trị chưa thuế	391.809.614.120	372.149.803.938
+ Thuế GTGT đầu ra	39.180.961.412	37.214.980.394
Mua hàng hóa	14.682.304.670	76.383.750.729
+ Giá trị chưa thuế	13.347.549.700	69.439.773.390
+ Thuế GTGT đầu ra	1.334.754.970	6.943.977.339
Trả tiền hàng	8.120.000.000	67.654.589.221
Thu tiền tạm ứng	12.000.000.000	2.500.000.000
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	423.229.000.000	397.707.196.000
Linh kiện bảo hành không phải trả	-	-
Trả tiền tạm ứng	-	2.245.000.001
<b>Công ty Cổ phần may KLV</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	475.402.389	475.519.000
+ Giá trị chưa thuế	432.183.990	432.289.999
+ Thuế GTGT đầu ra	43.218.399	43.229.001
Phải thu tiền cho thuê kho	6.936.000.000	6.936.000.000
+ Giá trị chưa thuế	6.305.454.544	6.305.454.544
+ Thuế GTGT đầu ra	630.545.456	630.545.456
Phải trả tiền mua hàng hóa	4.621.043.900	-
+ Giá trị chưa thuế	4.200.949.000	-
+ Thuế GTGT đầu vào	420.094.900	-
Trả tiền mua hàng hóa	4.621.043.900	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.468.646.200	9.948.152.640
Thu tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Chi tiền cho vay ngắn hạn	-	7.598.000.000
Lãi vay phải thu	-	12.730.411
Thu tiền lãi cho vay	-	12.730.411
Phải trả về tiền vay ngắn hạn	-	26.042.000.000
Trả tiền vay ngắn hạn	2.500.000.000	22.052.000.000
Lãi vay phải trả	485.448.222	444.938.355
Trả tiền lãi vay bằng tiền	478.864.660	703.438.481
Điều chỉnh do hạch toán nhầm đối tượng	-	236.032.000
<b>Ông Nguyễn Đức Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền Bán hàng	-	-
Thu tiền bán hàng	-	766.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3; V.4; V.14; V.15; V.18; V.19.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

#### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực		Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Bắc				
<b>Năm nay</b>						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	929.564.642.202	72.697.387.657	73.594.103.738	-	-	1.075.856.133.597
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	510.049.114.012	3.567.888.501	18.673.818.267	(532.290.820.780)	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.439.613.756.214</b>	<b>76.265.276.158</b>	<b>92.267.922.005</b>	<b>(532.290.820.780)</b>		<b>1.075.856.133.597</b>
Chi phí bộ phận	(1.309.562.548.646)	(67.412.238.773)	(83.244.754.858)	530.721.001.210	(929.498.541.067)	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	130.051.207.568	8.853.037.385	9.023.167.147	(1.569.819.570)	146.357.592.530	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(104.985.421.350)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					41.372.171.180	
Doanh thu hoạt động tài chính					4.301.892.393	
Chi phí tài chính					(24.161.639.116)	
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết					(8.382.956.747)	
Thu nhập khác					2.758.339.617	
Chi phí khác					(1.282.808.983)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(4.549.537.817)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.786.426.522)	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>8.269.034.005</b>	
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>25.571.890.409</b>	<b>4.130.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.576.020.409</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>4.841.251.190</b>	<b>603.763.076</b>	<b>540.782.870</b>	<b>(2.884.343)</b>	<b>-</b>	<b>5.982.912.793</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ		Cộng
<b>Số cuối năm</b>									
Tài sản thực tiếp của bộ phận	917.991.685.635	30.029.930.035	37.805.407.915	(212.248.222.848)	773.578.800.737				
<b>Tổng tài sản</b>					<u>773.578.800.737</u>				
Nợ phải trả thực tiếp của bộ phận	671.192.078.690	24.267.093.876	40.373.596.024	(175.130.512.619)	560.702.255.971				
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<u>560.702.255.971</u>				
<b>Số đầu năm</b>									
Tài sản thực tiếp của bộ phận	820.818.765.455	32.036.503.824	80.986.430.619	(294.529.228.464)	639.312.471.434				
<b>Tổng tài sản</b>					<u>639.312.471.434</u>				
Nợ phải trả thực tiếp của bộ phận	584.932.637.192	25.777.956.561	80.771.626.950	(264.962.407.548)	426.519.813.155				
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<u>426.519.813.155</u>				



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

#### B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	381.060.621.587	-	-	381.060.621.587
Phải trả người bán	126.632.923.716	-	-	126.632.923.716
Các khoản phải trả khác	33.498.586.020	-	-	33.498.586.020
<b>Cộng</b>	<b>541.192.131.323</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>541.192.131.323</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	327.123.025.437	453.600.000	-	327.576.625.437
Phải trả người bán	58.297.010.376	-	-	58.297.010.376
Các khoản phải trả khác	18.753.658.546	-	-	18.753.658.546
<b>Cộng</b>	<b>404.173.694.359</b>	<b>453.600.000</b>	<b>-</b>	<b>404.627.294.359</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.914.235.456	11.640.206.650	4.914.235.456	11.640.206.650
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.500.000.000	38.384.000.000	34.500.000.000	38.384.000.000
Phải thu khách hàng	179.129.880.454	167.916.580.701	179.129.880.454	167.916.580.701
Các khoản cho vay	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.052.891.227	2.454.654.298	3.052.891.227	2.454.654.298
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.142.534.860	22.525.491.607	14.142.534.860	22.525.491.607
<b>Cộng</b>	<b>247.739.541.997</b>	<b>254.920.933.256</b>	<b>247.739.541.997</b>	<b>254.920.933.256</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	381.060.621.587	327.576.625.437	381.060.621.587	327.576.625.437
Phải trả người bán	126.632.923.716	58.297.010.376	126.632.923.716	58.297.010.376
Các khoản phải trả khác	33.498.586.020	18.753.658.546	33.498.586.020	18.753.658.546
<b>Cộng</b>	<b>541.192.131.323</b>	<b>404.627.294.359</b>	<b>541.192.131.323</b>	<b>404.627.294.359</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

### 5. Thông tin quan trọng

Thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị số 1710/QĐHDQT/NAG-20 ngày 17/10/2020 về việc mua cổ phần tại Công ty CP Việt Phúc Hưng Yên, đến ngày 08/02/2021, Công ty đã hoàn tất các thủ tục pháp lý chuyển quyền sở hữu 96.923% vốn điều lệ tại Công ty CP Việt phúc Hưng Yên. Theo đó, Công ty Cổ phần Việt Phúc Hưng Yên trở thành Công ty con từ ngày 08/02/2021.

### 6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Năm 2020, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
<b>Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	909	(15)	894

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

**Đỗ Thị Bích Loan**

Kế toán trưởng

**Huy Thị Dung**



Tổng Giám đốc

**Nguyễn Thị Huyền Thương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>9.215.774.104</b>	<b>5.267.080.024</b>		<b>9.275.774.104</b>	<b>442.600.942</b>
Đã thu hồi được một phần		86.925.000	86.925.000	Đã thu hồi được một phần	86.925.000	86.925.000
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Từ 1 năm đến 2 năm	137.800.000	68.900.000	Dưới 6 tháng	137.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Từ 1 năm đến 2 năm	483.680.920	241.840.460	Dưới 6 tháng	483.680.920	-
Công ty cổ phần đào tạo và phát triển nguồn nhân lực IDT	Từ 1 năm đến 2 năm	115.576.441	57.788.221	Từ 6 tháng đến 1 năm	115.576.441	-
Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu Kim Anh	Từ 1 năm đến 2 năm	84.279.327	42.139.664	Từ 6 tháng đến 1 năm	84.279.327	-
Công ty Cổ phần Đầu tư CK - Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	100.723.036	50.361.518	Dưới 6 tháng	100.723.036	-
Công ty TNHH điện tử Quang Minh	Từ 1 năm đến 2 năm	821.662.685	410.831.343	Từ 6 tháng đến 1 năm	821.662.685	-
Công ty TNHH Kahutech Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	50.000.022	25.000.011	Từ 6 tháng đến 1 năm	50.000.022	-
Công ty TNHH MTV xây dựng Thái Sơn	Từ 1 năm đến 2 năm	1.453.468.075	726.734.038	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.453.468.075	-
Công ty TNHH Phát triển Điện lạnh Minh Anh	Từ 1 năm đến 2 năm	53.000.000	26.500.000	Dưới 6 tháng	53.000.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm VT - chi nhánh Bắc Ninh	Từ 1 năm đến 2 năm	202.050.560	101.025.280	Từ 6 tháng đến 1 năm	202.050.560	-
Công ty TNHH Điện tử tin học Phúc Thành	Từ 1 năm đến 2 năm	78.253.979	39.126.990	Dưới 6 tháng	78.253.979	-
Công ty TNHH Tiến Minh BG	Từ 1 năm đến 2 năm	112.206.000	56.103.000	Từ 6 tháng đến 1 năm	112.206.000	-
Công ty TNHH tư vấn xúc tiến đầu tư Bắc Giang	Trên 3 năm	104.483.270	104.483.270	Trên 3 năm	114.483.270	-
Công ty Cổ phần GRB Việt Nam	Từ 1 năm đến 2 năm	25.967.048	12.983.524	Từ 6 tháng đến 1 năm	25.967.048	-
Cơ sở kinh doanh Đỗ Văn Tuyên	Từ 1 năm đến 2 năm	28.590.480	14.295.240	Từ 6 tháng đến 1 năm	78.590.480	-
Cơ sở kinh doanh Hoàng Lan						



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Công ty TNHH Thương mại Minh Hiền	Từ 2 năm đến 3 năm	428.775.390	Từ 1 năm đến 2 năm	428.775.390	-
CÔNG TY TNHH TM&DV PHƯƠNG LINH TP	Từ 2 năm đến 3 năm	53.486.000	Từ 1 năm đến 2 năm	53.486.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Bảo Lan	Từ 2 năm đến 3 năm	113.238.227	Từ 1 năm đến 2 năm	113.238.227	-
Công ty TNHH Linh Anh Bắc Giang	Từ 1 năm đến 2 năm	356.591.015	Từ 1 năm đến 2 năm	356.591.015	-
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Quạt Điện Việt Nam	Từ 2 năm đến 3 năm	25.505.173	Từ 1 năm đến 2 năm	25.505.173	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VIHOUSE	Từ 1 năm đến 2 năm	232.366.073	Từ 1 năm đến 2 năm	232.366.073	-
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh hàng gia dụng Mạnh Huệ	Từ 1 năm đến 2 năm	117.116.439	Từ 1 năm đến 2 năm	117.116.439	-
Công Ty TNHH Thương Mại Cảnh Cường	Từ 2 năm đến 3 năm	169.540.459	Từ 2 năm đến 3 năm	169.540.459	-
Công ty TNHH Thương Mại 319 Đông Anh	Từ 1 năm đến 2 năm	107.827.640	Từ 6 tháng đến 1 năm	107.827.640	-
Cơ sở kinh doanh Nguyễn Văn Thảo	Từ 2 năm đến 3 năm	309.691.098	Từ 2 năm đến 3 năm	309.691.098	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại và Dịch Vụ Đức Thành	Từ 1 năm đến 2 năm	328.353.072	Từ 1 năm đến 2 năm	328.353.072	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại T&T Toàn Cầu	Từ 1 năm đến 2 năm	901.086.428	Từ 6 tháng đến 1 năm	901.086.428	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư An Huy	Từ 1 năm đến 2 năm	51.539.511	Dưới 6 tháng	51.539.511	-
Hệ Kinh Doanh Điện Máy Thiên Đức	Từ 1 năm đến 2 năm	470.588.306	Từ 6 tháng đến 1 năm	470.588.306	-
NHÀ PHÂN PHỐI HOÀNG HÀ	Từ 1 năm đến 2 năm	127.848.300	Từ 6 tháng đến 1 năm	127.848.300	-
Bà NGUYỄN THU THUY	Từ 1 năm đến 2 năm	220.779.219	Từ 6 tháng đến 1 năm	220.779.219	-
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh ABC	Từ 2 năm đến 3 năm	337.545.972	Từ 1 năm đến 2 năm	337.545.972	-
CÔNG TY TNHH ĐIỆN CƠ ĐIỆN LẠNH	Từ 2 năm đến 3 năm	444.688.013	Từ 1 năm đến 2 năm	444.688.013	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>TƯỜNG HÙNG</b>						
Công ty TNHH Tổng hợp Phú Hoàng Thanh	Từ 1 năm đến 2 năm	79.080.985	39.540.493	Từ 6 tháng đến 1 năm	79.080.985	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Huỳnh Chính	Từ 2 năm đến 3 năm	25.834.000	18.083.800	Từ 1 năm đến 2 năm	25.834.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý Xây dựng Phương Tùng	Từ 2 năm đến 3 năm	19.949.999	13.964.999	Từ 1 năm đến 2 năm	19.949.999	-
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>2.649.307.425</b>	<b>2.649.307.425</b>		<b>2.649.307.425</b>	<b>2.649.307.425</b>
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
<b>ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD</b>		<b>377.031.887</b>	<b>377.031.887</b>		<b>377.031.887</b>	<b>377.031.887</b>
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539
<b>Cộng</b>		<b>11.865.081.529</b>	<b>7.916.387.449</b>		<b>11.925.081.529</b>	<b>3.091.908.367</b>